TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK** Bản án số: **60**/2025/DS-ST Ngày: 19/9/2025. V/v "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Dược và bà Tống Thị Điệp.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk: Bà Vũ Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 348/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXX- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*" giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Xóm V, thôn A, xã T, thành phố Q (nay là xã T), tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Trần Đức T1, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn B H, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn trình bày như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng T (nguyên đơn) và ông Trần Đức T1 (bị đơn) chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 29/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung khiến không khí gia đình luôn căng thẳng. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình nghĩa vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Nguyễn Trâm A, sinh ngày 16/10/2016 và Trần Nguyễn Bảo M sinh ngày 03/6/2018 hiện đang ở với nguyên đơn, Nguyên đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 cháu đến tuổi rưởng thành.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng phía bị đơn ông Trần Đức T1 vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk phát biểu quan điểm như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 235, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố nguyên đơn bà Nguyễn Hồng T được ly hôn với bị đơn ông Trần Đức T1.

Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Trâm A và Trần Nguyễn Bảo M cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên HĐXX căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án là phù hợp.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn vắng mặt không có lý do, do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào 29/3/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) là tự nguyện và đúng quy định.

Theo nguyên đơn trình bày, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không tham gia phiên tòa cũng như các buổi hòa giải đoàn tụ của Tòa án, không thể hiện được thiện chí muốn hàn gắn tình cảm, tháo gỡ mâu thuẫn.

HĐXX xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể hàn gắn được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Nguyễn Trâm A, sinh ngày 16/10/2016 và Trần Nguyễn Bảo M sinh ngày 03/6/2018 hiện đang ở với nguyên đơn.

HĐXX xét thấy, nguyên đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành phù hợp với nguyện vọng của các con. Bị đơn không tham gia tố tụng và không thể hiện được thiện chí và quan điểm đối với việc nuôi dưỡng các con chung; Vì vậy, cần giao cháu Trần Nguyễn Trâm A và Trần Nguyễn Bảo M cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật nhằm bảo vệ quyền lợi cho trẻ chưa thành niên. Bị đơn được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Bị đơn được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là tự nguyện và phù hợp nên cần ghi nhận.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 27 nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố nguyên đơn bà Nguyễn Hồng T được ly hôn với bị đơn ông Trần Đức T1.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Nguyễn Trâm A, sinh ngày 16/10/2016 và Trần Nguyễn Bảo M sinh ngày 03/6/2018.

Giao cháu Trần Nguyễn Trâm A và Trần Nguyễn Bảo M cho bà Nguyễn Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (hai cháu hiện đang ở với nguyên đơn).

Ông Trần Đức T1 được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng nộp tại biên lai thu tiền số: 0001496 ngày 21/5/2025 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND* tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 1 - Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH